

Số: 139/2020/QĐST-KDTM

Đông Anh, ngày 20 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 125/2020/TLST-KDTM ngày 07/10/2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng SGTT**; trụ sở: Số K đường H, Phường P, Quận L, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D** – Giám đốc Ngân hàng SGTT - Chi nhánh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Vi Văn H** – Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng SGTT chi nhánh Đ.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Đình Q**, sinh năm 1981; bà **Tô Thị H**, sinh năm 1984; cùng nơi cư trú: Khu N, thôn TL, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Trần Hiến S**, sinh năm 1972.

2. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1973.

3. Anh **Trần Hữu L**, sinh năm 1995 (Con ông S - bà T).

4. Anh **Trần Hiếu K**, sinh năm 1993 (Con ông S - bà T).
5. Cháu **Trần Văn D**, sinh 2010 (Con ông S - bà T).
6. Chị **Lê Thị T1**, sinh năm 1995 (Vợ anh K).
7. Cháu **Trần Thị Huyền M**, sinh năm 2016 (Con anh K –chị T1).
8. Cháu **Trần Huyền T2**, sinh năm 2017 (Con anh K – chị T1).
9. Chị **Vũ Hải H**, sinh năm 1995 (Vợ anh L).

Cùng nơi cư trú: Khu 7, thôn TL, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của cháu D: Ông **Trần Hiến S** và bà **Lê Thị T**.*

*Người đại diện theo pháp luật của cháu M và cháu T2: Anh **Trần Hiếu K** và chị **Lê Thị T1**.*

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về số tiền nợ:* Theo Hợp đồng tín dụng số LD1803100149 ngày 31/01/2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 30/01/2019 ; các giấy nhận nợ số 11 ngày 21/10/2019; giấy nhận nợ số 12 ngày 22/10/2019: Tính đến hết ngày 10/11/2020 ông Lê Đình Q và bà Tô Thị H còn nợ Ngân hàng SGTT tổng số tiền 1.475.040.643 (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng. Trong đó, tiền gốc 1.335.858.000 (Một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn) đồng, lãi trong hạn 5.575.876 (Năm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi sáu) đồng, lãi quá hạn 133.606.767 (Một trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.

2.2. *Về phương thức trả nợ:* Hạn cuối là ngày 30/6/2021, ông Lê Đình Q và bà Tô Thị H phải trả cho Ngân hàng SGTT toàn bộ số tiền 1.475.040.643 (Một tỷ, bốn trăm bảy mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng và lãi phát sinh trên nợ gốc 1.335.858.000 (Một tỷ, ba trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn) đồng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1803100149 ngày 31/01/2018 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 30/01/2019 ; các giấy nhận nợ số 11 ngày 21/10/2019; giấy nhận nợ số 12 ngày 22/10/2019 kể từ ngày 12/11/2020 đến khi trả hết nợ.

Toàn bộ số tiền ông Q – bà H nộp ngân hàng phải thu vào tiền nợ gốc. Sau khi thu đủ nợ gốc mới được thu vào tiền nợ lãi.

2.3. Trường hợp ông Lê Đình Q và bà Tô Thị H vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận, thì Ngân hàng SGTT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 144; tờ bản đồ số 37 thuộc khu 7, thôn TL, xã T, huyện ĐA, thành phố Hà Nội được cấp GCNQSD đất số Đ243502, số vào sổ cấp GCNQSDĐ 1486.QSDĐ/TL do UBND huyện ĐA cấp cho gia đình ông Trần Hiến S ngày 15/11/2004.

2.4 Tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 56.251.000 (Năm mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi một nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 28.125.500 (Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng. Ông Lê Đình Q và bà Tô Thị H phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 28.125.500 (Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng SGTT số tiền 27.727.000 (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0017709 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyến